| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẠ LANG**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lục Văn Doanh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Kim Huấn

2. Bà Triệu Thị Hồng Hạnh

***Thư ký phiên tòa***: Bà La Thị Hằng

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang*** *tham gia phiên toà:* Ông Mông Văn Du - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nông Thị Kh, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: H D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Nông Văn Tr, simh năm 1984. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ cư trú: H D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang thụ hình tại Phân trại số 1, Trại giam Th X Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị L (mẹ đẻ Nông Văn Tr), sinh 1953. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: H D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/05/2016 và bản tự khai tiếp theo, chị Nông Thị Kh trình bày: Chị với anh Nông Văn Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào tháng 04 năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, hai vợ chồng ở chung với mẹ chồng. Năm 2015, anh Tr phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại Trại giam Th X, Hà Nội. Kể từ đó, vợ chồng sống không còn tình cảm, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu phát sinh, chị phải bỏ con về nhà mẹ đẻ tại N H, xã T sinh sống cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Hai người có một con chung là Nông Dương Ngọc Nh, sinh ngày 12/02/2014, hiện đang sống chung với bà nội tên là Nông Thị L, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017, do Công an Trại giam Th X thực hiện, anh Nông Văn Tr trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, họ tên, ngày tháng năm sinh của con và mâu thuẫn vợ chồng như chị Nông Thị Kh trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn, về tài sản chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung, do điều kiện đang phải chấp hành án, nên cần giao cho chị Nông Thị Kh nuôi dưỡng, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nông Thị L trình bày: Bà không có ý kiến về việc ly hôn của Kh và Tr nhưng về con chung của hai người bà muốn được nuôi dưỡng, vì cháu Nh đã ở với bà kể từ khi Tr bị bắt.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chị Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và quyền nuôi con, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nông Thị L đề nghị giao cháu Nông Dương Ngọc Nh cho bà chăm sóc và nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thư ký Tòa án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng pháp luật về tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về quan điểm giải quyết vụ án: có đầy đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, do bị đơn đã có đơn yêu cầu xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Kh với anh Tr. Giao cháu Nông Dương Ngọc Nh, sinh ngày 12/02/2014 cho

chị Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và không xem xét giải quyết phần tài sản chung vì các đương sự không có yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*1.Về tố tụng:* Anh Nông Văn Tr là bị đơn, hiện đang thụ hình tại trại giam nên vụ án không thể tiến hành hòa giải, qua lời khai do Trại giam Th X tiến hành thì anh Tr có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị Kh và anh Nông Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn, không trái với quy định của pháp luật và không vi phạm điều cấm nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, do anh Tr sử dụng ma túy sau đó phạm tội và phải đi thụ hình nhiều năm, nên vợ chồng không còn tình cảm. Do không thể sống chung với mẹ chồng, nên chị Kh đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2015 cho đến nay. Bản thân anh Tr cũng xác nhận, tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Kh. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Kh và anh Tr.

*3. Về con chung:* Theo giấy khai sinh do Chị Kh cung cấp thì cháu Nông Dương Ngọc Nh, sinh ngày 12/02/2014 là con chung của chị Kh và anh Tr. Do anh Tr đang phải thụ hình ở Trại giam, không có điều kiện chăm sóc, giáo dục nên cần giao cho chị Kh nuôi dưỡng mà không đặt vấn đề cấp dưỡng là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình. Lời đề nghị của bà Nông Thị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh là không có cơ sở để chấp nhận.

*4. Về tài sản chung:* Không có tài liệu chứng minh chị Kh, anh Tr có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng và cả hai không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Kh vẫn có quyền yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng khi cần thiết, anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con bằng một vụ án khác khi có căn cứ.

Về án phí: Chị Nông Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân gia đình.

**Tuyên bố, xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị Kh và anh Nông Văn Tr.

*2. Về con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao cháu Nông Dương Ngọc Nh, sinh ngày 12/02/2014 cho chị Nông Thị Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

*3. Về tài sản chung:* Không có căn cứ để xem xét vì đương sự không có yêu cầu.

*4. Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu. Chị Kh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Th Nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Lục Văn Doanh**